

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Ánh Hoa

Ông Trương Công Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 673/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh Q, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 00 L, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T E, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 0, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trịnh Thanh Q trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T E kết hôn với nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã A, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài ngày không hàn gắn được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T E.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trịnh Văn T, sinh ngày 19/4/2000 và Trịnh Thanh T V, sinh ngày 26/9/2006. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trịnh Thanh Q và bà Nguyễn Thị T E chung sống vợ chồng với nhau vào khoảng năm 1999 – 2000, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2002 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã A, thành phố Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Q với bà T E được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Q xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng hơn 10 năm, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn với bà T E. Đối với bà Nguyễn Thị T E, Tòa án đã thông báo cho bà T E biết yêu cầu khởi kiện của ông Q nhưng bà T E không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Thanh Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị T E.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trịnh Văn T, sinh ngày 19/4/2000 và Trịnh Thanh T V, sinh ngày 26/9/2006. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q xác định không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Thanh Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị T E.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xét xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Trịnh Thanh Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 11/12/2024 ông Q đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0009907 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã An Xuyên; thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang